



Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2018

GIỚI THIỆU **Về Luật Chăn nuôi**

Thực hiện Nghị quyết số 34/2017/QH14 ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2018 và điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2017, Luật Chăn nuôi đã được Quốc hội khóa XIV kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 19 tháng 11 năm 2018.

Luật Chăn nuôi được ban hành nhằm thiết lập khung pháp lý điều chỉnh các quan hệ kinh tế, xã hội, môi trường, an toàn thực phẩm, phát triển ngành chăn nuôi phù hợp với phát triển kinh tế - xã hội; thúc đẩy phát triển sản xuất ngành chăn nuôi, tạo ra nhiều việc làm, tăng thu nhập cho người dân, đáp ứng nhu cầu an ninh thực phẩm và ứng phó với biến đổi khí hậu.

Luật Chăn nuôi quy định về hoạt động chăn nuôi, quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động chăn nuôi, quản lý nhà nước về chăn nuôi.

Luật Chăn nuôi gồm 8 Chương, 83 Điều với những nội dung chính như sau:

1. Hệ thống và chuẩn hóa các khái niệm, thuật ngữ có liên quan đến hoạt động chăn nuôi để sử dụng thống nhất trong nghiên cứu, giảng dạy và quản lý ngành chăn nuôi trên phạm vi cả nước.

2. Quy định nguyên tắc hoạt động trong chăn nuôi trên tinh thần phát triển ngành chăn nuôi theo các chuỗi liên kết giá trị, phát huy tiềm năng, lợi thế so sánh và xã hội hóa tối đa tạo nguồn lực xã hội đầu tư phát triển ngành chăn nuôi theo nền kinh thị trường và hội nhập quốc tế.

3. Về các chính sách của Nhà nước: Quy định cụ thể nội dung Nhà nước đầu tư, Nhà nước hỗ trợ, khuyến khích đầu tư, đảm bảo phù hợp với yêu cầu thực tiễn sản xuất kinh doanh và nguồn lực quốc gia trên cơ sở căn cứ Luật Đầu tư công năm 2014, Luật Đầu tư năm 2014, Luật Ngân sách nhà nước năm 2015.

4. Quy định cụ thể các điều kiện sản xuất, kinh doanh:

Luật Chăn nuôi đã cụ thể hoá các yêu cầu, điều kiện của một cơ sở chăn nuôi cần đảm bảo các yếu tố có liên quan đến an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường và cân đối thị trường sản phẩm chăn nuôi. Trong đó quy định các cơ sở chăn nuôi quy mô lớn phải được cấp giấy đủ điều kiện trước khi tiến hành chăn nuôi, các cơ sở chăn nuôi trang trại vừa, nhỏ, chăn nuôi nông hộ phải đáp ứng trong quá trình chăn nuôi.

Quy định người chăn nuôi phải thực hiện việc kê khai chăn nuôi với chính quyền cấp xã vừa hỗ trợ cho hoạt động thống kê và tạo thói quen tốt để người chăn nuôi quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh chăn nuôi.

5. Quy định chặt chẽ về quản lý chất lượng con giống, chất lượng thức ăn chăn nuôi: Theo tinh thần của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật năm 2006, Luật Chất lượng sản phẩm hàng hoá năm 2007, tổ chức, cá nhân kinh doanh tự công bố chất lượng sản phẩm và phải chịu trách nhiệm trước người sử dụng và trước pháp

luật về chất lượng sản phẩm sản xuất ra và đáp ứng được các yêu cầu trong các quy chuẩn kỹ thuật do nhà nước ban hành.

6. Về vấn đề quản lý môi trường: Hoạt động chăn nuôi xả ra môi trường khối lượng chất thải rất lớn, ước tính khoảng 85 triệu tấn chất thải rắn và trên 200 triệu m³ chất thải lỏng mỗi năm. Luật Chăn nuôi đã quy định các biện pháp xử lý chất thải, chất thải phải được xử lý an toàn trước khi thải ra môi trường.

7. Quy định về xuất khẩu, nhập khẩu giống vật nuôi, sản phẩm chăn nuôi: Quy định nguyên tắc về xuất khẩu, nhập khẩu giống vật nuôi, sản phẩm chăn nuôi theo hướng thông thoáng, mở cửa, phù hợp với Luật Thương mại năm 2005 và các cam kết quốc tế và xu hướng hội nhập quốc tế. Đối với các giống vật nuôi, sản phẩm giống vật nuôi nằm ngoài Danh mục cấm thì tổ chức, cá nhân được tự do kinh doanh không phải xin phép; khi xuất, nhập khẩu, chỉ phải thực hiện kiểm dịch.

Trình tự, thủ tục trao đổi các nguồn gen quý hiếm, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi cũng được quy định cụ thể theo hướng đơn giản, thuận tiện.

8. Các quy định về Danh mục: Nguyên tắc cơ bản đưa vào Luật là ban hành các Danh mục cấm, bỏ quy định “Danh mục được phép sản xuất, kinh doanh”. Ngoài Danh mục cấm, người dân, doanh nghiệp được tự do kinh doanh, không phải xin phép. Quy định này phù hợp với Hiến pháp năm 2013, Luật Doanh nghiệp năm 2014, người dân, doanh nghiệp được làm những gì pháp luật không cấm.

9. Các quy định về khảo nghiệm, kiểm định: Quan điểm trong xây dựng Luật là bỏ bớt những trường hợp phải khảo nghiệm, vì qua khảo sát thực tế nhận thấy việc khảo nghiệm là việc của tổ chức, cá nhân, nhà nước không cần quy định. Trừ những trường hợp có chứa yếu tố mới có nguy cơ xâm hại đến môi trường, an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm.

10. Quy định về chăn nuôi động vật khác ngoài gia súc, gia cầm mà người dân được phép chăn nuôi, như: chim yến, ong mật, chó, mèo, hươu sao và động vật khác ngoài Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, danh mục động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm, động vật rừng thông thường, động vật thủy sản, danh mục động vật rừng hoang dã thuộc Phụ lục của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.

11. Quy định cụ thể các thủ tục hành chính: Luật Chăn nuôi đã cụ thể, chi tiết, minh bạch hoá các thủ tục hành chính mà công dân, doanh nghiệp cần thiết phải thực hiện với cơ quan quản lý như trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất; các thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu...

12. Quy định đầy đủ và cụ thể hơn về việc đối xử nhân đạo với vật nuôi mà các nước trên thế giới thường thể hiện là phúc lợi vật nuôi, trong đó quy định rõ việc đối xử nhân đạo với vật nuôi trong tất cả các hoạt động có liên quan giữa con người với vật nuôi, đó là hoạt động chăn nuôi, vận chuyển, giết mổ và nghiên cứu khoa học trên vật nuôi.

13. Quy định rõ trách nhiệm, quyền hạn của các cơ quan quản lý các cấp, từ Chính phủ đến Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; từ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đến cấp xã. Đồng thời, cũng quy định rõ trách nhiệm, quyền hạn của tổ chức, cá nhân khi có hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực chăn nuôi.

14. Quy định cụ thể về thời gian thi hành và các điều kiện chuyển tiếp, đảm bảo tính nghiêm túc và khả thi trong chấp hành Luật Chăn nuôi./.